

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 187/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hoàng Hoa

Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trương Thị Cẩm V**, sinh năm 1979; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1977; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm V trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn P chung sống vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào năm 2003. Hai người sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, hai người ly thân từ tháng 10-2018 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Q sinh ngày 28-01-2003 và Nguyễn Văn T sinh ngày 20-4-2005. Hiện 02 cháu đang sống với chị V.

Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu Q và T, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000 đồng/cháu).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày: Anh thống nhất với chị V về thời gian chung sống, kết hôn, mẫu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Q sinh ngày 28-01-2003 và Nguyễn Văn T sinh ngày 20-4-2005 hiện đang sống chung với chị V. Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị V do hiện nay đi làm mướn không có tiền.

Về tài sản chung: anh và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm V yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn P. Về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu Q và cháu T, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Q và cháu T đủ 18 tuổi lao động được. Về tài sản chung chị V rút yêu cầu để chị và anh P tự thỏa thuận; nợ chung không có.

Anh P đồng ý ly hôn với chị V, đồng ý giao 02 con chung cho chị V trực tiếp nuôi, anh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay đang làm thuê không có tiền. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu ly hôn của chị V, anh P đồng ý nên cần ghi nhận. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Cẩm Q sinh ngày 28-01-2003 và Nguyễn Văn T sinh ngày 20-4-2005 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng (2.000.000 đồng/ 02 cháu) đến khi cháu Q và T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung chị V và anh P tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; về nợ chung anh P và chị V xác định không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ tranh chấp của nguyên đơn thuộc tranh chấp về “Ly hôn”; bị đơn hiện cư trú tại ấp huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Trương Thị Cẩm V và anh Nguyễn Tấn P là hôn nhân hợp pháp có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã xã L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23-12-2003. Quá trình sống chung có 02 con tên Nguyễn Thị Cẩm Q sinh ngày 28-01-2003 và Nguyễn Văn T sinh ngày 20-4-2005. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, hai người ly thân từ tháng 10-2018 đến nay. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh P và chị V đều thống nhất, đồng ý ly hôn, do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu Nguyễn Thị Cẩm Q sinh ngày 28-01-2003 và Nguyễn Văn T sinh ngày 20-4-2005, anh P đồng ý giao 02 cháu Q và cháu T cho chị V trực tiếp nuôi, do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cần buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/ 01 cháu) đến khi cháu Q và cháu T đủ 18 tuổi và lao động được.

[4] Về tài sản chung: Chị V và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó chị V rút yêu cầu chia tài sản chung, việc rút yêu cầu của chị Trương Thị Cẩm V là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung: Chị V và anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; anh P phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Trương Thị Cẩm V đã rút.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Cẩm V và anh Nguyễn Tấn P.

3. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Cẩm Q sinh ngày 28-01-2003 và Nguyễn Văn T sinh ngày 20-4-2005 cho chị Trương Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/ 01 cháu) đến khi cháu Q và cháu T đủ 18 tuổi và lao động được, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Nguyễn Tấn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chị Trương Thị Cẩm V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Chị V đã nộp 1.925.000 (một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015244 ngày 16-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên được hoàn lại 1.625.000 (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị V, anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thanh Phương